

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 17-6-2020.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Mỹ Liên;

Ông Hồ Văn Khang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 752/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1975, có mặt;

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp M H, xã Đ H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Minh Đ, sinh năm 1973, xin vắng mặt.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Ấp T T, xã Đ T, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Chị V, anh Đ cùng địa chỉ tạm trú: Khu phố A Q, phường A H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Chị và anh Đ tự chung sống với nhau vào năm 2009, không có tổ chức lễ cưới mà chỉ tổ chức lễ tuyên bố, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung

sống, vợ chồng xây nhà ra riêng bên gia đình anh Đ tại ấp T T, xã Đ T, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Đến năm 2015 thì chuyển lên sống tại ấp A Q, xã A H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố A Q, phường A H, thị xã Trảng Bàng) để đi làm. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không còn phù hợp nên thường xuyên cãi nhau và tự ly thân từ tháng 5-2019 đến nay. Từ khi ly thân, anh Đ nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ với chị V nhưng chị không đồng ý.

Nay chị yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên: Trần Trọng N, sinh ngày 20-10-2010, hiện đang theo sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Minh Đ trình bày:

Anh Đ trình bày thống nhất với chị V về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Nay anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị V.

Về con chung: Anh yêu cầu giao cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Trọng N, sinh ngày 20-10-2010, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu V và anh Trần Minh Đ.

Về con chung: Giao cháu Trần Trọng N, sinh ngày 20-10-2010 cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị V không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 nhưng không có đăng ký kết hôn. Năm 2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ tháng 5-2019 đến nay. Nay chị V yêu cầu ly hôn và anh Đ cũng đồng ý ly hôn. Tòa án đã gửi văn bản yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Đ T và Ủy ban nhân dân xã Đ H, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang có ý kiến về việc chị V và anh Đ có đăng ký kết hôn hay không nhưng không nhận được văn bản trả lời. Hơn nữa, chị V và anh Đ đều trình bày thời gian chung sống là vào năm 2009 và không có đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị V và anh Đ.

[3] Về con chung: Cháu Trần Trọng N, sinh ngày 20-10-2010 hiện đang theo sống với chị V. Nay chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, anh Đ cũng đồng ý giao cháu N cho chị V nuôi dưỡng. Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến cháu N, cháu có nguyện vọng được theo sống với chị V. Vì vậy, có cơ sở giao cháu N cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị V không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thu V và anh Trần Minh Đ.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Thu V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Trọng N, sinh ngày 20-10-2010.

Ghi nhận chị V không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị Thu V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017767 ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị V đã nộp đủ án phí.

5. Báo cho chị V biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Linh Ngọc